

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam phục hồi

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

HĐTL tháng 1 lấy lại đà phục hồi

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

DBC, HVG

[Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi giá, chỉ kê lệnh mở lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn

07/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	958.88	+0.32
VN30	876.70	+0.50
HĐTL VN30	875.00	+0.34
HNXIndex	101.42	+0.19
HNX30	178.54	+0.43
UPCoM	55.76	-0.21
USD/VNĐ	VND23,179	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.19	-3
Lãi suất qua đêm (%)	1.33	-25
Dầu (WTI, \$)	63.27	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,565.31	-0.03



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 958.88 (+0.32%)
KLGD (triệu CP) 130.3 (-7.6%)
GTGD (triệu US\$) 158.1 (+7.3%)

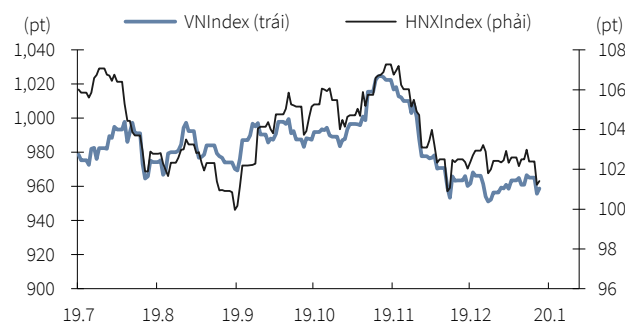
HNXIndex 101.42 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 19.3 (-21.3%)
GTGD (triệu US\$) 8.9 (-27.5%)

UPCoM 55.76 (-0.21%)
KLGD (triệu CP) 6.2 (-44.0%)
GTGD (triệu US\$) 2.8 (-41.3%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -3.2

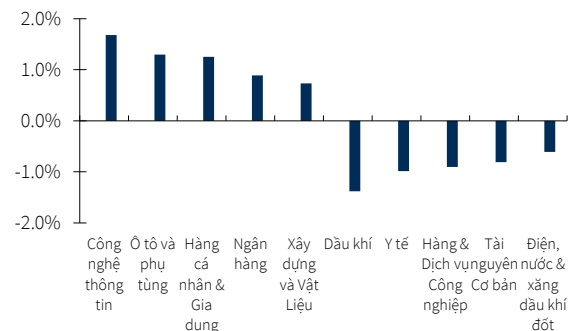
TTCK Việt Nam phục hồi cùng với TTCK trong khu vực khi rủi ro địa chính trị giữa Mỹ - Iran tạm lắng xuống, và được dẫn dắt bởi các nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng. Tâm lý thị trường đã bình tĩnh hơn khi chưa có thêm động thái leo thang căng thẳng khiến giá dầu trượt giảm nhẹ, kéo các cổ phiếu nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD và PVS) giảm điểm sau những phiên tăng mạnh gần đây. Những kết quả lợi nhuận năm 2019 ấn tượng bước đầu của 1 số ngân hàng tạo ra kì vọng lợi nhuận tích cực chung và giúp các cổ phiếu ngành ngân hàng tăng mạnh trong phiên hôm nay bao gồm VCB, BID, CTG. Thanh khoản thị trường tiếp tục ảm đạm khi tâm lý thị trường vẫn tương đối thận trọng cùng với việc thị trường thường chậm lại mang tính chu kì khi cận kề kì nghỉ lễ Tết Nguyên Đán. Giao dịch khối ngoại diễn ra không thực sự tích cực khi họ bán ròng trên cả 3 sàn với tổng giá trị gần 75 tỷ đồng. Lực bán tập trung vào VCB, HPG và PLX...

VN Index & HNX Index



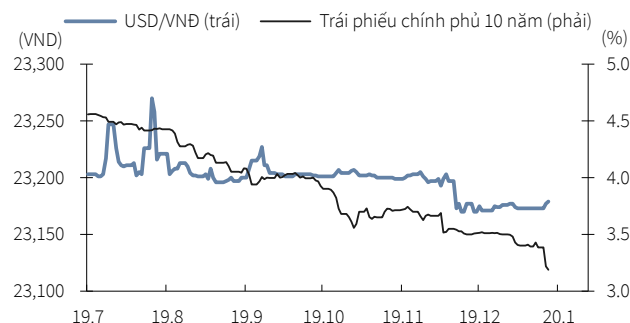
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

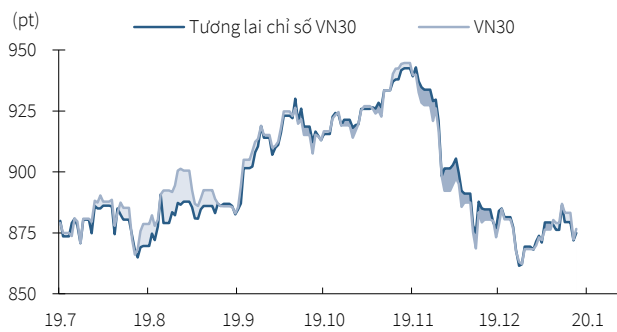
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	876.70 (+0.50%)
VN30 tương lai	875.0 (+0.34%)
Mở cửa	873.9
Cao nhất	877.8
Thấp nhất	871.6

HĐTL tháng 1 lấy lại đà phục hồi sau 2 phiên giảm điểm mạnh với tâm lý NĐT toàn cầu trở nên ổn định hơn. Lực bán xuất hiện nhiều hơn vào phiên chiều nhưng các HĐTL vẫn giữ vững được đà tăng điểm vào cuối phiên. Độ lệch đã được nới rộng lên -1.7 bps. Thanh khoản thị trường cải thiện và vẫn tập trung hầu hết vào hợp đồng tháng 1. Khối ngoại đã quay lại mua ròng nhẹ vào phiên hôm nay.

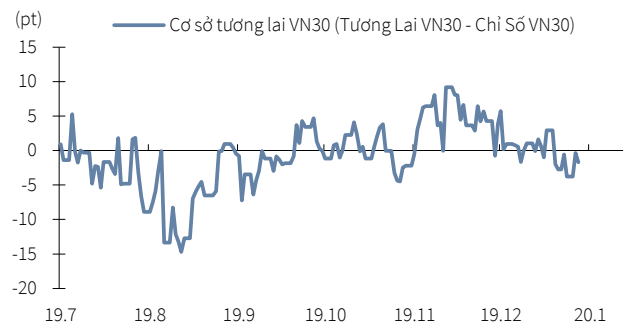
Hợp đồng	84,254 (+0.1%)
KL HĐ mở OI	N/A

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



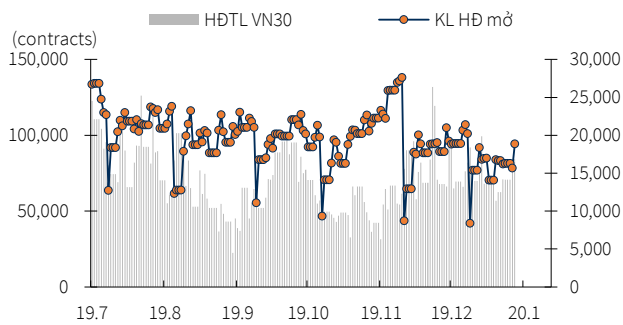
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



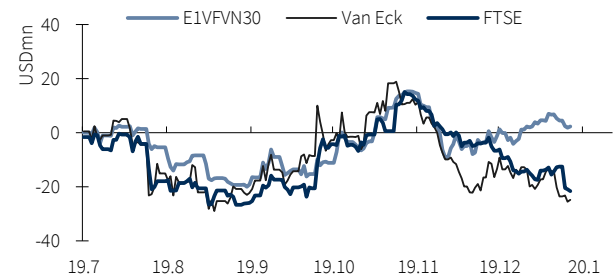
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

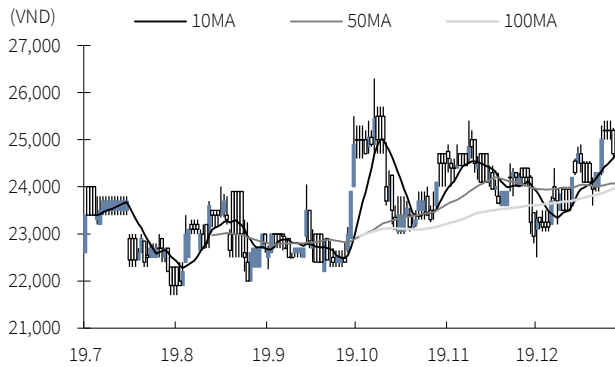
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

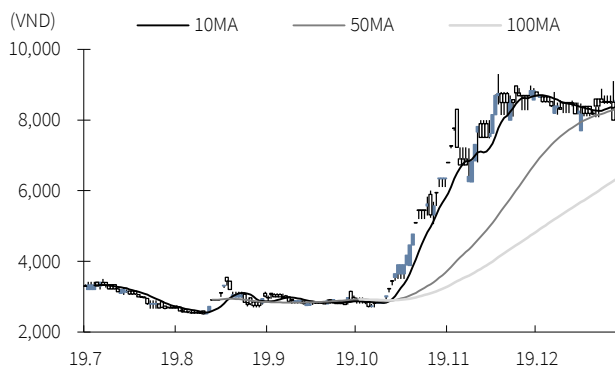
CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DBC tăng 1.21 % đóng cửa ở ngưỡng 25,000 VNĐ/cp
- Giá thịt lợn tăng mạnh trong quý IV đã giúp DBC ghi nhận LNST 258 tỷ đồng, gấp 2.3 lần so với cùng kỳ. Dabaco ước hoàn thành kế hoạch doanh thu cả năm (10,401 tỷ VNĐ) và 85% kế hoạch lợi nhuận sau thuế hợp nhất (356 tỷ VNĐ).
- Dabaco đề ra kế hoạch năm 2020 với doanh thu và lãi sau thuế đạt 13,203 tỷ đồng và 457 tỷ đồng, lần lượt tăng gần 27% và hơn 28% so với kế hoạch năm trước.
- Trong năm 2020, để tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, DBC cũng đưa ra kế hoạch phát hành tối đa 300 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ, tương đương với tối đa 3,000 trái phiếu (mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu) với thời điểm phát hành dự kiến trong Q1/2020.

CTCP Hùng Vương (HVG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVG tăng 7% đóng cửa ở ngưỡng 8,560 VNĐ/cp
- HVG đã thông qua quyết định sẽ chi hơn 310 tỷ VNĐ để mua 31.2 triệu cổ phần của HMT. Sau đó, HVG dự kiến sẽ sang nhưng cổ phần cho bên thứ 3.
- HVG dự kiến sẽ kí hợp tác chiến lược với Công ty sản xuất chế biến và phân phối nông nghiệp (Thadi) vào ngày 9/1/2020. Nội dung hợp tác chưa được tiết lộ.
- Dù diễn biến giá tăng mạnh trong thời gian vừa qua, hoạt động kinh doanh của HVG vẫn gặp rất nhiều thách thức. Quý IV, công ty báo lỗ 240 tỷ đồng, lũy kế niên độ 2018-2019 lỗ 496 tỷ đồng.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

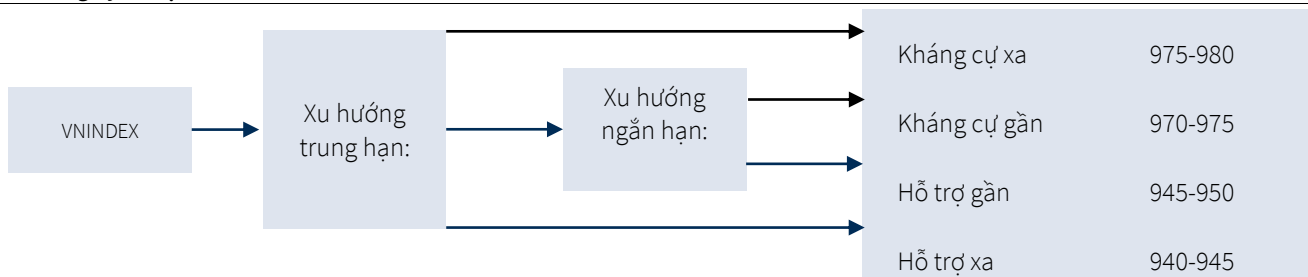
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Lực cầu được củng cố tại ngưỡng hỗ trợ gần giúp VNIndex có phiên phục hồi trở lại.
- Mặc dù vậy, hình thái nến vẫn chưa đủ tích cực để tạo mẫu hình đảo chiều có độ tin cậy cao và chúng tôi cho rằng áp lực bán sẽ sớm gia tăng trở lại.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi giá, chỉ kê lệnh mở lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn khi thị trường giảm xuống vùng hỗ trợ tương ứng đáy ngắn hạn cũ tại 945-950.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng cho tín hiệu hồi phục trong phiên hôm nay nhưng áp lực giảm điểm có thể gia tăng trở lại trong những phiên tới.
- VN30 có 1 vùng hỗ trợ đáng lưu ý tại 865-867, đóng vai trò quyết định đến khả năng giữ được vùng đáy ngắn hạn đã xác lập trong tháng 12/2019.
- NĐT có thể mở 1 phần vị thế Long khi VN30 về lại 865-867 tuy nhiên nên ưu tiên chốt lời và đóng vị thế sớm trong nhịp hồi T+ sau đó.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

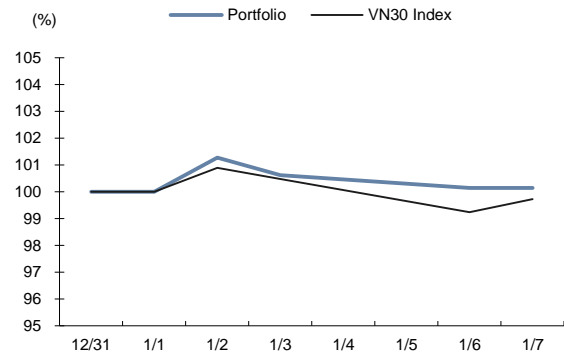
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.50%	0.07%
Tăng lũy kế (YTD)	-0.27%	0.14%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 07/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	115,600	0.8%	-0.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,500	-0.7%	1.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,900	13%	14.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,000	0.2%	6.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,650	0.5%	7.1%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	58,100	19%	48.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
PV Drilling (PVD)	06/01/2020	15,650	-13%	0.0%	- Kỳ vọng đã hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê dân khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,400	0.6%	-8.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,700	-13%	3.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	18,800	-1.1%	6.4%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.9%	58.6%	31.9
VHM	0.5%	14.9%	10.4
ROS	6.7%	3.3%	10.0
E1VFN30	-0.1%	99.1%	7.3
HDC	2.3%	16.4%	5.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	0.3%	23.9%	-54.3
HPG	-1.3%	38.2%	-22.3
PLX	-1.4%	13.4%	-10.0
HDB	-1.1%	23.4%	-9.1
VIC	0.2%	14.8%	-9.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	2.0%	2.2%	0.4
BVS	-1.0%	28.0%	0.1
NBC	-1.5%	5.8%	0.1
SMN	2.1%	0.7%	0.1
BII	0.0%	5.8%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.1%	21.6%	-7.5
CEO	0.0%	15.9%	-0.5
NTP	-0.3%	20.4%	-0.3
INN	0.0%	10.0%	-0.2
LHC	0.8%	25.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	3.6%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	3.1%	TCH, DRC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.1%	GAS, PGD
Bán lẻ	1.4%	MWG, FRT
Dầu khí	1.2%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-2.2%	ROS, DPG
Bảo hiểm	-1.7%	BVH, PGI
Y tế	-1.6%	DHG, DCL
Bất động sản	-1.1%	VHM, NVL
Dịch vụ tài chính	-1.1%	BCG, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%	TVT, TLG
Xây dựng và Vật Liệu	0.0%	VSI, VPD
Truyền thông	0.0%	YEG, PNC
Dầu khí	0.0%	PVD, PLX
Du lịch và Giải trí	0.0%	VNS, VNG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.0%	TVT, TLG
Xây dựng và Vật Liệu	0.0%	VSI, VPD
Truyền thông	0.0%	YEG, PNC
Dầu khí	0.0%	PVD, PLX
Du lịch và Giải trí	0.0%	HVN, VJC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,700	386,376 (16,670)	53,492 (2.3)	21.9	78.9	44.8	44.1	5.5	7.8	4.9	4.4	0.2	-0.3	-1.0	-0.3
	VHM	VINHOMES JSC	83,800	275,661 (11,893)	68,198 (2.9)	34.1	14.6	10.5	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	0.5	-2.0	-8.9	-1.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,950	77,145 (3,328)	67,755 (2.9)	16.1	28.6	22.4	18.3	9.6	10.8	2.7	2.5	0.9	-1.6	-1.9	-0.1
	NVL	NOVA LAND INVES	56,300	54,585 (2,355)	17,692 (0.8)	31.6	18.3	17.4	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	0.9	-3.8	-1.2	-5.4
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,300	14,318 (618)	7,726 (0.3)	4.5	15.4	11.8	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	-0.8	-2.6	-2.8	-2.2
	DXG	DAT XANH GROUP	13,900	7,297 (311)	21,204 (0.9)	3.5	5.1	4.8	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	1.5	-5.1	0.0	-4.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	87,800	325,639 (14,050)	50,420 (2.2)	6.2	19.9	15.5	24.5	24.5	24.5	4.0	3.1	0.3	-3.5	3.4	-2.7
	BID	BANK FOR INVESTM	46,700	187,828 (8,104)	35,871 (1.5)	12.0	29.8	21.3	15.9	12.2	14.1	2.4	2.2	2.0	1.3	17.8	1.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,200	81,203 (3,503)	24,349 (1.1)	0.0	8.6	7.4	8.2	16.7	16.4	1.3	1.1	0.7	-1.1	0.2	-1.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	21,700	80,798 (3,486)	50,932 (2.2)	0.5	10.8	8.8	30.5	11.9	13.4	1.1	1.0	1.6	3.1	6.9	3.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,350	49,608 (2,140)	29,547 (1.3)	0.0	6.4	5.3	13.0	20.6	20.6	1.2	1.0	2.0	2.8	3.8	1.8
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,000	48,839 (2,107)	67,503 (2.9)	0.0	6.5	5.7	17.9	21.0	20.9	1.3	1.1	0.2	0.2	-3.9	1.0
	HDB	HDBANK	26,700	26,193 (1,130)	35,517 (1.5)	6.6	8.2	7.0	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-1.1	-0.7	-4.0	-3.1
	STB	SACOMBANK	10,150	18,307 (790)	20,061 (0.9)	11.5	8.4	6.3	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	1.0	0.5	1.5	1.0
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,200	17,523 (756)	2,900 (0.1)	0.0	7.0	5.5	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.2	0.5	-2.3	0.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,450	21,454 (926)	1,458 (0.1)	0.0	27.9	27.1	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	-0.3	-2.0	2.9	-2.0
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	67,500	50,107 (2,162)	15,464 (0.7)	20.6	39.2	29.5	19.2	8.3	9.6	2.8	2.6	-0.1	-2.7	2.6	-1.6
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,450	2,325 (100)	714 (0.0)	11.5	13.6	-	-	7.9	-	-	-	-0.2	2.6	-1.2	2.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,250	9,272 (400)	20,147 (0.9)	45.1	4.5	4.1	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	0.3	0.6	-6.4	1.1
	VCI	VIETCAPITAL SEC	28,600	4,700 (203)	1,412 (0.1)	63.3	7.6	7.9	-14.5	16.0	13.9	1.1	1.0	0.0	-3.1	-9.2	-3.1
	HCM	HOCHIMINH CITY	21,000	6,416 (277)	14,564 (0.6)	43.3	17.8	12.3	-16.4	9.8	11.5	1.5	1.4	0.7	0.2	-12.1	-1.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,300	2,982 (129)	2,502 (0.1)	8.6	9.4	8.2	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	0.0	-0.3	3.2	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,500	206,353 (8,903)	88,532 (3.8)	41.4	21.2	19.9	6.9	39.0	38.7	7.4	6.7	0.9	1.7	1.9	1.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	224,000	143,647 (6,198)	6,314 (0.3)	36.7	28.5	23.1	25.1	33.5	36.0	8.5	7.4	0.1	-2.6	-3.9	-1.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,800	66,396 (2,865)	73,921 (3.2)	9.9	14.9	13.2	-4.6	14.3	13.8	2.0	1.7	0.4	-0.5	-9.1	0.5
HNG	HOANGANH GIA LA	14,150	15,686 (677)	4,500 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	1.1	-2.4	1.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	145,900	76,428 (3,297)	58,408 (2.5)	10.5	13.8	12.6	10.1	38.7	37.8	4.8	3.9	-0.1	1.0	1.0	-0.2
	GMD	GEMADEPT CORP	21,750	6,458 (279)	5,122 (0.2)	0.0	11.8	11.0	-44.5	9.5	9.7	1.0	1.0	-2.2	-6.7	-4.6	-6.7
	CII	HOCHIMINH CITY	23,300	5,775 (249)	4,802 (0.2)	19.0	11.4	10.4	147.6	11.0	12.2	-	-	1.3	3.1	1.3	3.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	15,050	8,542 (369)	568,803 (24.5)	45.7	-	-	-	-	-	-	-	6.7	-19.1	-39.8	-13.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,950	9,740 (420)	12,318 (0.5)	33.5	8.0	10.1	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	-2.7	3.1	-0.3	3.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	51,500	3,929 (170)	4,057 (0.2)	1.4	5.8	6.1	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.4	-2.1	-2.6	-21.3	0.4
	REE	REE	36,650	11,363 (490)	21,615 (0.9)	0.0	6.4	6.3	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	0.5	0.0	1.8	1.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐTỷ)	(VNĐTỷ, USDmn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	97,100	185,845 (8,018)	22,653 (1.0)	45.4	15.4	15.3	2.5	25.8	25.5	3.8	3.5	-0.7	0.7	-0.9	3.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,400	6,161 (266)	4,515 (0.2)	30.4	8.3	8.6	-2.6	19.8	18.4	1.6	1.6	0.0	-1.4	-4.9	-1.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,600	8,208 (354)	6,594 (0.3)	32.8	9.1	8.9	-9.1	16.5	16.3	1.4	1.4	-0.4	-5.2	-9.9	-4.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP.JSC	23,700	65,437 (2,823)	130,588 (5.6)	10.8	9.1	7.4	2.5	16.8	18.0	1.4	1.2	-1.3	0.2	-0.6	0.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,550	4,911 (212)	3,447 (0.1)	30.1	19.5	11.1	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	-1.2	-3.8	-4.2	-3.1
	DCM	PETROCA MAU FER	6,190	3,277 (141)	1,271 (0.1)	46.6	8.2	10.0	-	6.4	5.3	0.5	0.5	-1.7	-6.6	-8.8	-4.8
	HSG	HOA SENG GROUP	7,930	3,356 (145)	29,645 (1.3)	31.3	8.9	6.8	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-1.1	-0.3	-1.2	1.5
	AAA	ANPHATBIOPLAST	12,400	2,123 (092)	22,591 (1.0)	37.2	5.6	5.6	49.2	16.4	16.3	0.7	0.7	0.8	-1.6	-12.7	-2.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,500	67,281 (2,903)	10,139 (0.4)	6.6	16.9	16.3	11.9	19.0	19.3	3.1	3.2	-1.4	0.9	0.2	0.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,650	6,591 (284)	31,381 (1.4)	29.1	40.9	29.7	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	-1.3	3.0	4.3	4.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,400	4,616 (199)	3,758 (0.2)	17.0	7.1	6.6	6.9	13.4	13.8	0.9	0.8	-1.2	-3.0	-3.0	-2.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	115,600	51,175 (2,208)	59,613 (2.6)	0.0	13.8	11.0	25.4	35.9	33.7	4.3	3.3	0.8	1.4	4.3	1.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	86,900	19,569 (844)	41,961 (1.8)	0.0	17.6	14.6	20.7	27.8	28.2	4.2	3.4	1.3	0.5	5.7	1.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	38,500	1,136 (049)	846 (0.0)	68.0	-	23.2	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.8	1.6	2.1	-3.5	4.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,900	1,730 (075)	1,935 (0.1)	1.5	5.4	5.1	0.0	25.7	22.8	1.3	1.1	-0.5	-2.7	-20.1	4.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	39,000	5,284 (228)	25,599 (1.1)	42.9	4.9	4.8	31.3	30.8	35.3	1.7	1.5	-0.3	1.3	-28.0	2.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	89,200	11,663 (503)	1,377 (0.1)	45.6	19.6	18.4	4.0	20.1	20.0	3.5	3.3	-2.2	-3.0	-4.7	-2.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	53,500	4,013 (173)	463 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.9	-1.5	-0.7	-1.5
IT	FPT	FPTCORP	58,100	39,408 (1,700)	66,314 (2.9)	0.0	12.5	10.6	25.3	24.2	25.1	2.6	2.3	1.9	-0.9	5.6	-0.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbfng.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.